

Số : **08** /2018..DSST.
Ngày 12/7/2018.
V/V Vay tài sản.

NHÂN DANH
NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA TỈNH PHÚ THỌ
Với hội đồng xét xử gồm có:

- + Thẩm phán, chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Khải**.
- + Các hội thẩm nhân dân:
 - 1/ Ông: **Hà Ngọc Lĩnh**
 - 2/ Ông: **Đào Trung Kiên** .
- + Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** .

Ngày 12 tháng 7 năm 2018. tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh ba xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số: 04/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 1 năm 2018, về việc kiện vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân Hàng chính sách xã hội Huyện T**, có trụ sở tại khu 4 Thị trấn T – Huyện T - Tỉnh P. Đại diện theo Pháp luật : Ông **Dương Anh T**, chức vụ: giám đốc đại diện.

Bị đơn: ông **Ngô Viết D** sinh năm 1957.
Và Bà **Trần Thị A** sinh năm 1957.
Đều trú tại: khu 4 Xã Đ – huyện T – tỉnh P.

Các bên đương sự đại diện ngân hàng chính sách có mặt tại phiên toà. Ông D, bà A vắng mặt.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo đại diện ngân hàng chính sách xã hội Huyện T trình bày như sau:

Ngân hàng chính sách xã hội Huyện T là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mục tiêu vì mục đích lợi nhuận, ngành nghề hoạt động là cho vay tiền, thu nợ của các hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác trên địa bàn Huyện T.

Ngày 03/7/2009, Ngân hàng có cho hộ ông Ngô Việt D và bà Trần Thị A trú tại khu 4 xã Đ - huyện T vay số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) lãi suất cho vay là 0,9%/tháng, thời hạn cho vay là 36 tháng, chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng có khó khăn. thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 03/7/2012.

Quá trình vay hộ ông D chưa trả hết tiền gốc, Ngân hàng đã ra hạn thêm một năm, đến ngày 26/12/2013 hộ ông D đã trả tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và trả lãi. Đến ngày 11/11/2014, hộ ông D trả tiếp 2.000.000đ (Hai triệu đồng), số tiền gốc, còn lại 8.000.000đ (Tám triệu đồng) cho đến nay ông D chưa trả. Nay Ngân Hàng yêu cầu hộ ông D, bà A phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và số tiền lãi quá hạn từ ngày 11/11/2014 cho đến ngày 09/7/2018, số tiền lãi là 5.362.700đ. như đã cam kết trong bản hợp đồng vay vốn.

Tòa án đã tiến hành báo gọi hộ ông D, bà A đến Tòa án để giải quyết, từ khi thụ lý cho đến khi hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Ngô Việt D, bà Trần Thị A đều vắng mặt, không có lý do.

XÉT THẤY

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra đánh giá đầy đủ, toàn diện cứ chứng cứ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Việt D và bà Trần Thị A là bị đơn trong vụ án vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, Tòa án giao hợp lệ, Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Ông D và bà A vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy Tòa án vẫn xét xử vắng mặt ông D và bà A là hoàn toàn phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Việc Ngân hàng chính sách xã hội Huyện T yêu cầu hộ ông Ngô Việt D và bà Trần Thị A phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền gốc là 8.000.000đ và 5.362,700đ tiền lãi quá hạn là có cơ sở bởi lẽ:

Ngày 03/ 7/2009, Hộ ông Ngô Việt D và bà Trần Thị A có làm đơn đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội Huyện T vay tiền được thể hiện tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay sản xuất kinh doanh, họ tên người vay là ông Ngô Việt D, họ tên người thừa kế là bà Trần Thị A được Ngân hàng chính sách xã hội Huyện T duyệt cho vay là 20.000.000đ, thời hạn xin vay 36 tháng, lãi suất 0,9%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, lãi suất tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 09. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/10/2012. người vay ông Ngô Việt D, người thừa kế là bà Trần Thị A đều ký nhận trong việc vay vốn này.

Quá trình hộ ông Ngô Việt D và bà Trần Thị A sử dụng vốn vay đến ngày 26/12/2013 và ngày 11/11/2014, hộ ông D bà A đã trả được số tiền gốc là

12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), số tiền gốc còn lại là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) cho đến nay ông D, bà A vẫn chưa trả.

Về phần lãi trong hạn được tính từ ngày 03/7/2009 đến ngày 02/7/2011 lãi xuất là 0,57% sẽ là (20.000.000đ gốc x 0,57% x 730 ngày : bình quân 1 tháng = 2.774.000đ) giai đoạn từ ngày 3/7/2011 đến ngày 26/12/2012 lãi xuất là 0,9% sẽ là (20.000.000đ tiền gốc x 0,9% x 889 ngày : bình quân 1 tháng = 5.334.000đ), ngày 26/12/2013, hộ ông D đã trả gốc là 10.000.000đ, Phần lãi sẽ được tính từ ngày 26/12/2013 đến ngày 09/1/2014, sẽ là (10.000.000đ, tiền gốc x 0,9% x 14 ngày : bình quân 1 tháng = 42.000đ, cộng 2.774.000 + 5334.000đ + 42.000đ = 8.150.000đ trừ đi phần lãi đã trả là 6.559.000đ, còn nợ lãi trong hạn là 1.591.000đ.

Phần lãi quá hạn chưa trả được tính từ ngày 10/1/2014, cho đến ngày 11/11/2014, sẽ là (10.000.000đ tiền gốc x 1,17% x 305 ngày : bình quân 1 tháng = 1.189.500đ) ngày 11/11/2014 hộ ông D trả tiếp 2.000.000đ tiền gốc, phần lãi tiếp theo được tính từ ngày 11/11/2014 đến ngày 12/7/2018 sẽ là (8.000.000đ tiền gốc x 1,17% x 1,338 ngày : bình quân 1 tháng = 4,174.560đ). Cộng : 1.189.500đ + 4.174.560đ = 5.364.060đ.

Cộng phần lãi trong hạn còn nợ: 1.591.000đ + 5.364.060đ lãi quá hạn. Tổng cộng phần lãi là 6.955.060đ. buộc ông Ngô Việt D và bà Trần Thị A phải trả cho Ngân Hàng.

Về án phí: Ông Ngô Việt D và bà Trần Thị A phải chịu án phí dân sự theo quy định của Pháp luật, hoàn trả lại cho Ngân hàng chính sách xã hội Huyện T khoản tiền dự phí dân sự đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều.463,464,khoản 1,4,5 điều 466 bộ luật Dân sự năm 2015. khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Huyện T - tỉnh P.

Xử buộc Ông Ngô Việt D và bà Trần Thị A phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Huyện T - tỉnh P số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền gốc. phần lãi là 6.955.060đ, (Sáu triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng là: 14.955.0600đ (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm hộ ông Ngô Việt D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi xuất mà các bên đã thỏa thuận trong bản hợp đồng ngày 03/7/2009, cho đến khi thi hành xong.

Về án phí Ông Ngô Việt D và bà Trần Thị A phải chịu 747.750đ.(Bảy trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng chính sách xã hội 500.000đ(Năm trăm ngàn đồng) Xác nhận Ngân Hàng chính sách xã hội huyện T đã nộp tại phiếu thu số 0004079 ngày 26/1/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đại diện ngân hàng chính sách xã hội Huyện T có mặt có quyền kháng cáo, ông Ngô Viết D và bà Trần Thị A vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bảo sao bản án.hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự , thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi Hành án Dân Sự./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
Thẩm phán, chủ tọa phiên Tòa.**

Nơi gửi:

- VKSND Huyện.
- Thi Hành án.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ + án văn.
- UBND Xã Đ.

Nguyễn Hữu Khải.